VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 122/NQ-CP	*Hà Nội, ngày 08 tháng 5 năm 2025*

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 81-KL/TW ngày 04 tháng 6 năm 2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03 tháng 6 năm 2013 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường;

Căn cứ Kết luận số 56-KL/TW ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường;

Căn cứ Kết luận số 81-KL/TW ngày 04 tháng 6 năm 2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Kế hoạch thực hiện Kết luận số 81-KL/TW ngày 04 tháng 6 năm 2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường theo Kết luận số 56-KL/TW ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Bộ Chính trị.

Điều 3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan trực thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Trần Hồng Hà

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH
Thực hiện Kết luận số 81-KL/TW ngày 04 tháng 6 năm 2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

(Kèm theo Nghị quyết số 122/NQ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các nội dung của Kết luận số 81-KL/TW ngày 04 tháng 6 năm 2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường (sau đây gọi là Nghị quyết số 24-NQ/TW). Xác định các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu của Chính phủ nhằm quán triệt và chỉ đạo các ngành, các cấp tổ chức thực hiện Kết luận số 81-KL/TW ngày 04 tháng 6 năm 2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW (sau đây gọi là Kết luận số 81-KL/TW).

2. Kế hoạch thực hiện Kết luận số 81-KL/TW của Chính phủ đến năm 2030 làm căn cứ để các bộ, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch, chương trình, tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Kết luận số 81- KL/TW, Kết luận số 56-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 Khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường (sau đây gọi là Kết luận số 56-KL/TW) và Nghị quyết số 24-NQ/TW.

3. Kế hoạch thực hiện Kết luận số 81-KL/TW của Chính phủ đến năm 2030 bao gồm các nhiệm vụ đề ra trong các kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường đã được phê duyệt và xây dựng, triển khai thực hiện một số nhiệm vụ, kế hoạch, chương trình, đề án mới đến năm 2030.

4. Đến năm 2030, phấn đấu đạt một số mục tiêu cụ thể sau:

a) Về ứng phó với biến đổi khí hậu

- Đầu tư hoàn thiện hệ thống hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai; nâng cao khả năng chống chịu và năng lực thích ứng của hệ thống tự nhiên, kinh tế và xã hội; thực hiện các giải pháp thông minh để thích ứng với biến đổi khí

hậu; tiếp tục nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai, giám sát biến đổi khí hậu; chủ động ứng phó, giảm thiệt hại do thiên tai gây ra, trong đó tập trung bảo đảm an toàn tính mạng cho người dân khi bão, lũ xảy ra; bảo đảm 80% số hộ dân thuộc khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai có nhà ở an toàn[1].

- Kiểm soát mức phát thải khí nhà kính, bảo đảm tổng lượng phát thải khí nhà kính quốc gia giảm 15,8%[2] so với kịch bản phát triển thông thường (BAU); đạt mức tiết kiệm năng lượng khoảng 7 - 10% trên tổng tiêu thụ năng lượng cuối cùng so với BAU[3]. Chuyển đổi cơ cấu sử dụng năng lượng theo hướng tăng tỷ lệ các nguồn năng lượng tái tạo trong tổng cung năng lượng sơ cấp đạt khoảng 15 - 20%[4].

b) Về quản lý tài nguyên

- Tiếp tục điều tra, đánh giá tiềm năng, giá trị của các nguồn tài nguyên quan trọng: hoàn thành 85% diện tích lập bản đồ địa chất khoáng sản tỷ lệ 1:50.000 phần đất liền; hoàn thành điều tra, đánh giá tiềm năng khoáng sản tại các cấu trúc có triển vọng ở các khu vực Bắc Trung Bộ, Đông Bắc Bắc Bộ[5]; tối thiểu 50% diện tích vùng biển Việt Nam được điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển ở tỷ lệ bản đồ 1: 500.000 và điều tra tỷ lệ lớn ở một số vùng trọng điểm[6].

- Quy hoạch, quản lý và khai thác bền vững, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn tài nguyên quốc gia, trong đó tập trung: kiểm soát cơ bản 90% các hoạt động khai thác, sử dụng nước; nâng cao hiệu quả, năng lực khai thác, sử dụng nước và giảm tối đa thất thoát nước trong hệ thống các công trình thủy lợi; giảm tỷ lệ thất thoát nước trong hoạt động cấp nước xuống 10%[7]; khắc phục hiệu quả tình trạng hạn hán, thiếu nước vào mùa khô ở các lưu vực sông, các vùng khó tiếp cận nguồn

---

[1] Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050

[2] Báo cáo Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) đệ trình Ban thư ký Công ước khung của Liên Hợp Quốc (UNFCCC) tháng 11/2022

[3] Quyết định số 215/QĐ-TTg ngày 01/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

[4] Quyết định số 215/QĐ-TTg ngày 01/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

[5] Quyết định số 680/QĐ-TTg ngày 10/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

[6] Nghị quyết 48/NQ-CP năm 2023 ngày 03/4/2023 của Chính phủ phê duyệt Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

[7] Quyết định số 1622/QĐ-TTg ngày 27/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tài nguyên nước thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

nước, đặc biệt là các vùng Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, đồng bằng sông Cửu Long, vùng sâu, vùng xa và các đảo. Bảo đảm nhu cầu sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội; giữ ổn định 3,5 triệu ha đất trồng lúa[8].

c) Về bảo vệ môi trường

- Tỷ lệ cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung vận hành đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường phấn đấu đạt 100%; trên 50% nước thải sinh hoạt tại các đô thị loại II trở lên được xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định[9].

- Tăng cường năng lực quản lý tổng hợp chất thải rắn, tiến hành đồng thời các giải pháp nhằm đẩy mạnh công tác phân loại, lưu giữ, thu gom, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế, xử lý đảm bảo 95% chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý theo quy định; 90% chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom, xử lý theo quy định; giảm thiểu 75% rác thải nhựa trên biển và đại dương[10]; 98% chất thải nguy hại được thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định[11].

- 100% diện tích các khu vực ô nhiễm môi trường đất đặc biệt nghiêm trọng được xử lý, cải tạo và phục hồi[12]; hoàn thành xử lý triệt để 100% các điểm nóng và các khu bị ô nhiễm chất độc hóa học/dioxin sau chiến tranh ở Việt Nam[13]; nâng cao chất lượng môi trường không khí ở các đô thị, khu vực đông dân cư; 80% hộ gia đình nông thôn được sử dụng nước sạch từ các nguồn theo quy chuẩn; 100% dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung[14].

- Duy trì độ che phủ rừng ổn định ở mức 42 - 43%; diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên trên cạn đạt 9% diện tích lãnh thổ đất liền[15]; diện tích các khu bảo tồn

---

[8] Nghị quyết số 39/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội về Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025

[9] Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050

[10] Quyết định 1746/QĐ-TTg ngày 04/12/2019 phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030

[11] Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

[12] Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

[13] Quyết định số 2215/QĐ-TTg ngày 28/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động quốc gia khắc phục hậu quả chất độc hóa học/dioxin sau chiến tranh ở Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030

[14] Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

[15] Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050

biển, ven biển đạt 3 - 5% tổng diện tích tự nhiên vùng biển quốc gia; 70% khu bảo tồn thiên nhiên, di sản thiên nhiên được đánh giá hiệu quả quản lý; phục hồi được ít nhất 20% diện tích hệ sinh thái tự nhiên bị suy thoái[16].

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tiếp tục tuyên truyền, giáo dục, tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, quản lý, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường

- Nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi, thúc đẩy các hành động có trách nhiệm của toàn xã hội theo hướng chuyển đổi xanh, phát triển kinh tế xanh, các-bon thấp, kinh tế tuần hoàn, phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên, quản lý hiệu quả chất thải rắn, giảm thiểu rác thải nhựa hướng đến đạt được mục tiêu phát triển bền vững và trung hòa các-bon. Tổ chức đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức, viên chức trong ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Chú trọng giáo dục sớm cho thế hệ trẻ từ bậc tiểu học về nhận thức, ý thức giữ gìn bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường.

- Phát huy vai trò trung tâm, chủ thể của doanh nghiệp, người dân trong chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường dựa trên chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, ứng dụng thành tựu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Chú trọng vai trò phản biện, giám sát của các tổ chức chính trị - xã hội và cộng đồng dân cư trong ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Thay đổi tư duy và nhận thức, coi thích ứng với biến đổi khí hậu và thực hiện mục tiêu phát thải ròng bằng "0" là thách thức, đồng thời cũng là cơ hội để phát triển bền vững, góp phần xây dựng và phát triển nền kinh tế độc lập, tự chủ, chủ động hội nhập sâu rộng, thực chất.

- Phổ biến, thông tin về các yêu cầu, các thực hành tốt, mô hình tiên tiến về chuyển đổi xanh, giảm phát thải khí nhà kính, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường góp phần chủ động tham gia chuỗi giá trị xanh toàn cầu, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.

2. Tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

[16] Quyết định số 149/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

- Nghiên cứu xây dựng Nghị quyết về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu trình Ban Chấp hành Trung ương Khóa XIV.

- Xây dựng Chiến lược tổng thể quốc gia phòng ngừa, ứng phó với các đe dọa an ninh phi truyền thống đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Tiếp tục kiện toàn, củng cố tổ chức bộ máy quản lý nhà nước từ trung ương đến địa phương về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường theo hướng hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu quản lý trong tình hình mới.

- Tập trung hoàn thiện cơ chế, chính sách về quản lý tổng hợp, điều phối các vấn đề liên ngành, liên vùng, liên lĩnh vực. Xây dựng cơ chế, chính sách huy động nguồn lực, đẩy mạnh việc áp dụng các công cụ kinh tế, tiếp cận thị trường để chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, nâng cao hiệu quả công tác quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Sửa đổi, bổ sung Luật Khí tượng thủy văn, Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, Luật Đa dạng sinh học, Luật Lâm nghiệp.

- Xây dựng, hoàn thiện các văn bản hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Luật Đất đai, Luật Tài nguyên nước, Luật Địa chất và Khoáng sản, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Lâm nghiệp; trong đó cần có quy định trách nhiệm và hướng dẫn cụ thể đối với chức năng nhiệm vụ của từng bộ, ngành.

- Hoàn thiện và ban hành các quy hoạch, phương án, kế hoạch phòng ngừa, ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Đẩy mạnh việc lồng ghép các định hướng về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường trong chính sách, chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội các cấp, các ngành.

- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn, hướng dẫn, định mức kinh tế kỹ thuật trong ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Nghiên cứu, xây dựng và ban hành tài liệu hướng dẫn kỹ thuật thực hiện kinh tế tuần hoàn, giảm phát thải khí nhà kính, tiết kiệm tài nguyên và giảm phát sinh chất thải.

- Xây dựng cơ chế, chính sách thúc đẩy giảm phát thải khí nhà kính và bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, nhất là trong sản xuất các sản phẩm xuất khẩu nhằm ứng phó kịp thời với các cơ chế, tiêu chuẩn, rào cản kỹ thuật của các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới cũng như của các quốc gia nhập khẩu.

- Tăng cường hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực thi chính sách, pháp luật, phòng, chống tội phạm trong ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Nâng cao vai trò phản biện, giám sát của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và cộng đồng dân cư trong quá trình thực thi pháp luật; chú trọng giám sát, kiểm soát chặt chẽ các dự án, cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao.

3. Thực hiện chuyển đổi xanh, thúc đẩy phát triển kinh tế tuần hoàn, chuyển đổi năng lượng công bằng

- Thực hiện hiệu quả Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050. Nghiên cứu, thử nghiệm và nhân rộng các mô hình kinh tế xanh, đô thị, nông thôn xanh; thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng bền vững.

- Tập trung nguồn lực giải quyết các nguy cơ cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trường, suy giảm các hệ sinh thái tự nhiên, các thách thức trong thích ứng với biến đổi khí hậu và thực hiện mục tiêu phát thải ròng bằng “0”.

- Xây dựng và thực hiện các chương trình, đề án và dự án về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2026 - 2030; tập trung nguồn lực để giải quyết hiệu quả những vấn đề cấp bách về môi trường và triển khai các nhiệm vụ, giải pháp toàn diện về ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Triển khai thực hiện kế hoạch hành động quốc gia thực hiện kinh tế tuần hoàn đến năm 2035; xây dựng và thực hiện kế hoạch thực hiện kinh tế tuần hoàn của bộ, ngành và địa phương gắn với quá trình chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo; thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng thử nghiệm và nhân rộng các mô hình kinh tế tuần hoàn trong các ngành, lĩnh vực. Nghiên cứu, đánh giá việc khai thác, sử dụng vật liệu trong toàn bộ nền kinh tế, từng ngành, lĩnh vực để xây dựng các chính sách phù hợp nhằm thực hiện hiệu quả kinh tế tuần hoàn.

- Thực hiện hiệu quả chuyển đổi năng lượng công bằng; từng bước hạn chế nhiên liệu hóa thạch, loại bỏ nhiệt điện than, phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, năng lượng mới hướng tới bảo đảm an ninh năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính, giảm ô nhiễm môi trường. Tiếp tục tổ chức thực hiện Đề án triển khai Tuyên bố chính trị thiết lập quan hệ đối tác chuyển đổi năng lượng công bằng (JETP) và Kế hoạch huy động nguồn lực thực hiện JETP.

- Thực hiện hiệu quả, thực chất Kế hoạch hành động quốc gia chuyển đổi hệ thống lương thực thực phẩm minh bạch, trách nhiệm và bền vững ở Việt Nam đến năm 2030. Phát triển nông nghiệp sinh thái, hữu cơ, phát thải thấp, tuần hoàn; sản xuất, phân phối và tiêu dùng thực phẩm xanh, an toàn; giảm tình trạng thất thoát và lãng phí lương thực, thực phẩm.

- Xây dựng, hoàn thiện chính sách thúc đẩy huy động nguồn lực tài chính xanh, bao gồm phát triển thị trường tín dụng xanh, trái phiếu xanh và các công cụ tài chính bền vững khác. Hỗ trợ phát triển các ngành kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn. Triển khai thực hiện chính sách, quy định mua sắm công xanh, chi tiêu công xanh, nhãn sinh thái từ trung ương đến địa phương.

- Triển khai các giải pháp chuyển đổi số sâu, rộng góp phần thúc đẩy chuyển đổi xanh. Xây dựng, hoàn thiện, vận hành, khai thác, chia sẻ cơ sở dữ liệu về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

4. Thường xuyên cập nhật kịch bản biến đổi khí hậu, hoàn thiện các phương án, kế hoạch phòng ngừa, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, giảm thiểu rủi ro thiên tai

a) Về thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng chống và giảm nhẹ thiên tai

- Định kỳ cập nhật kịch bản biến đổi khí hậu cho Việt Nam. Tiếp tục nâng cao năng lực nghiên cứu, ưu tiên nghiên cứu về ứng phó với thiên tai; từng bước làm chủ công nghệ trong dự báo thiên tai, dự báo tác động của biến đổi khí hậu đến hệ thống tự nhiên và xã hội. Hiện đại hóa hệ thống quan trắc, dự báo, cảnh báo thiên tai, đặc biệt là các thiên tai có nguồn gốc từ khí tượng thủy văn; xây dựng hệ thống giám sát biến đổi khí hậu, nước biển dâng, hệ thống quan trắc tai biến địa chất, hệ thống giám sát bờ sông, bờ biển bằng công nghệ viễn thám, góp phần giảm thiểu tổn thất và thiệt hại.

- Ưu tiên phát triển hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu, nâng cao khả năng phòng, chống thiên tai. Tổ chức thực hiện hiệu quả Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050[17]; nghiên cứu, thử nghiệm và nhân rộng các mô hình thích ứng với biến đổi khí hậu dựa vào cộng đồng (CbA), áp dụng các giải pháp dựa vào tự nhiên (NbS).

- Điều tra, đánh giá, di dời và tái định cư người dân ở các khu vực có rủi ro thiên tai cao gắn với các giải pháp bảo đảm sinh kế bền vững. Chủ động ứng phó với sạt lở đất, lũ quét tại khu vực miền núi, trung du. Tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện Đề án cảnh báo sớm sạt lở đất, lũ quét tại khu vực miền núi, trung du Việt Nam[18].

- Xây dựng và thực hiện Đề án tăng cường dự báo, đánh giá tác động và các giải pháp phòng, chống thiên tai, nâng cao khả năng ứng phó và thích ứng với biến đổi khí hậu vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ; Đề án phòng, chống sụt lún đất, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050.

---

[17] Quyết định số 1055/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ

[18] Quyết định số 1262/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ

- Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án Phát triển các đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030[19]. Nghiên cứu, áp dụng các giải pháp giảm tình trạng ngập lụt đô thị trong bối cảnh biến đổi khí hậu; làm mát đô thị theo hướng thuận thiên, thân thiện với hệ thống khí hậu.

- Huy động và dự trữ nguồn lực để khắc phục, tái thiết cho các khu vực, hộ gia đình bị ảnh hưởng do thiên tai, biến đổi khí hậu. Tiếp tục nâng cao hiệu quả việc thu và chi Quỹ phòng, chống thiên tai ở các cấp.

b) Về giảm phát thải khí nhà kính

- Thực hiện kiểm kê khí nhà kính quốc gia, cấp ngành, lĩnh vực và cấp cơ sở; cập nhật danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính theo định kỳ. Khuyến khích các cơ sở phát thải khác, đặc biệt là các cơ sở thuộc khu vực công, thực hiện kiểm kê và giảm phát thải khí nhà kính. Hoàn thiện cơ sở dữ liệu trực tuyến về kiểm kê và đo đạc, báo cáo, thẩm định hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp quốc gia, cấp ngành và lĩnh vực.

- Nghiên cứu, ban hành quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục chứng nhận đăng ký hoạt động, kiểm tra xác nhận phát thải, giảm phát thải khí nhà kính. Xây dựng danh mục công nghệ sạch, phát thải các-bon thấp trong các ngành sản xuất để thúc đẩy ứng dụng, chuyển giao công nghệ giảm phát thải khí nhà kính.

- Triển khai hiệu quả kế hoạch giảm phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực năng lượng[20]. Tiếp tục thực hiện Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn 2050[21], Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050[22], đặc biệt về phát triển hạ tầng truyền tải điện thông minh, tăng tỷ trọng điện sản xuất từ nguồn năng lượng tái tạo, triển khai áp dụng các công nghệ mới, tiên tiến về lưu trữ năng lượng. Thực hiện thành công Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019 - 2030[23].

- Thực hiện Chương trình hành động về chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí các-bon và khí mê-tan của ngành giao thông vận tải; kế hoạch giảm phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực giao thông vận tải đến năm 2030[24].

---

[19] Quyết định số 438/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ

[20] Quyết định số 2600/QĐ-BCT ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt Kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực năng lượng và quá trình công nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương đến năm 2025 và giai đoạn 2026 - 2030

[21] Quyết định số 215/QĐ-TTg ngày 01 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ

[22] Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ

[23] Quyết định số 280/QĐ-TTg ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ

[24] Quyết định số 876/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch giảm phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực xây dựng. Thực hiện hiệu quả Chiến lược phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, định hướng đến năm 2050[25], từng bước thay thế nguyên vật liệu gây phát thải khí nhà kính; từng bước giảm, thay thế sử dụng nhiên liệu hóa thạch trong sản xuất.

- Thực hiện kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính ngành nông nghiệp[26]. Triển khai hiệu quả Đề án Phát triển bền vững một triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030[27].

- Tiếp tục thực hiện các hoạt động bảo vệ, phục hồi và duy trì các bể hấp thụ khí nhà kính tự nhiên. Thực hiện Chương trình quốc gia về giảm phát thải khí nhà kính thông qua hạn chế mất và suy thoái rừng (REDD+); bảo tồn, nâng cao trữ lượng các-bon và quản lý bền vững tài nguyên rừng đến năm 2030[28].

- Thực hiện kế hoạch giảm phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực quản lý chất thải, bao gồm bãi chôn lấp chất thải rắn, xử lý chất thải rắn bằng phương pháp sinh học, thiêu đốt và đốt lộ thiên chất thải, xử lý và xả thải nước thải.

- Thực hiện tốt cam kết giảm phát thải khí mê-tan toàn cầu, cam kết quốc tế về bảo vệ tầng ô-dôn và làm mát bền vững; quản lý hiệu quả các chất và sản phẩm, thiết bị có chứa chất làm suy giảm tầng ô-dôn và chất gây hiệu ứng nhà kính.

- Hoàn thành việc xây dựng và đưa vào vận hành thử nghiệm thị trường các-bon tuân thủ trong nước, từng bước kết nối với thị trường các-bon khu vực và thế giới. Thiết lập hệ thống đăng ký quốc gia quản lý hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon; thực hiện cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon quốc tế; thiết lập cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước.

5. Nâng cao hiệu quả, hiệu lực công tác quản lý về tài nguyên, đẩy mạnh công tác điều tra cơ bản, khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên

a) Đối với tài nguyên đất

- Điều tra, đánh giá đất đai trên phạm vi cả nước, đặc biệt là đất chưa sử dụng; thực hiện các biện pháp khuyến khích khai hoang, phục hóa, lấn biển. Ứng dụng

---

[25] Quyết định số 1266/QĐ-TTg, ngày 18 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ

[26] Quyết định 1693/QĐ-BNN-KHCN ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT phê duyệt Kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính (bao gồm kế hoạch giảm phát thải khí mê-tan) ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đến năm 2030, định hướng đến năm 2050

[27] Quyết định số 1490/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ

[28] Quyết định số 419/QĐ-TTg ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ

công nghệ mới trong điều tra, giám sát xâm nhập mặn do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và nước biển dâng để quản lý, sử dụng đất bền vững.

- Đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025; tổ chức rà soát, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và lập Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2026-2030.

- Đánh giá tình hình sử dụng đất ở tại các khu dân cư, khu đô thị mới, tiếp tục thúc đẩy phát triển thị trường bất động sản công khai, minh bạch và hiệu quả. Hoàn thiện chính sách, pháp luật về quản lý, sử dụng đất được khai hoang, phục hóa, lấn biển.

- Thiết lập, xây dựng và vận hành hệ thống thông tin đất đai, cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia theo hướng tập trung, thống nhất, đồng bộ, đa mục tiêu và kết nối liên thông trên phạm vi cả nước.

b) Đối với tài nguyên nước

- Tiếp tục hoàn thành các quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh và tổ chức thực hiện các quy hoạch tài nguyên nước. Hoàn thiện, đổi mới thể chế, chính sách, cơ chế tài chính ngành nước theo hướng quản trị thông minh; thu hút nguồn lực xã hội đầu tư phát triển, điều chỉnh nhu cầu sử dụng nước.

- Thực hiện hiệu quả Kế hoạch hành động thực hiện Kết luận số 36-KL/TW ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Chủ động nguồn nước cấp cho các mục đích sinh hoạt và sản xuất; chủ động kế hoạch sử dụng nước trên các sông xuyên biên giới. Xây dựng, vận hành hệ thống chỉ tiêu theo dõi, đánh giá an ninh tài nguyên nước quốc gia.

- Xây dựng, hoàn thiện hệ thống thông tin, chuyển đổi số trong điều hoà, phân phối, khai thác và sử dụng tài nguyên nước.

- Áp dụng các biện pháp sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả. Chủ động tích trữ lũ, giữ nước ngọt với quy mô từng vùng, từng lưu vực sông nhằm khắc phục hiệu quả tình trạng hạn hán, thiếu nước về mùa khô tại vùng đồng bằng sông Cửu Long, Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, Tây Bắc, vùng sâu, vùng xa, hải đảo. Thực hiện các giải pháp hạn chế khai thác nước dưới đất nhằm giảm sụt lún, nhiễm mặn ở các vùng ven biển, nhất là vùng ven biển Tây Nam Bộ.

c) Đối với tài nguyên địa chất và khoáng sản

- Đẩy mạnh công tác điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản trên đất liền, dưới biển. Rà soát, khoanh định các khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia; kiểm tra các khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ để khoanh định, công bố, làm cơ sở để lập phương án quy hoạch khoáng sản cấp tỉnh. Tiếp tục triển khai thực hiện Quy hoạch

thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050[29].

- Điều tra, đánh giá trữ lượng và áp dụng các giải pháp khai thác phù hợp nhằm đảm bảo nguồn cung cấp vật liệu xây dựng thông thường cho xây dựng hạ tầng đường bộ, nhất là tại vùng đồng bằng sông Cửu Long.

- Tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát hoạt động khai thác khoáng sản, đặc biệt là khai thác cát, sỏi lòng sông, bờ biển; thúc đẩy khai thác gắn với chế biến sâu các loại khoáng sản chiến lược. Thực hiện hiệu quả đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

- Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư công nghệ, thiết bị tiên tiến, hiện đại để khai thác, chế biến các mỏ có điều kiện địa chất - mỏ phức tạp, hàm lượng nghèo, hạ tầng kỹ thuật chưa đồng bộ. Rà soát, hoàn thiện quy trình cấp phép thăm dò, khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường phù hợp với thực tiễn phát triển của đất nước. Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, tìm kiếm công nghệ, thị trường, thúc đẩy khai thác gắn với chế biến sâu khoáng sản đất hiếm và triển khai hiệu quả công tác quản lý đất hiếm.

- Hoàn thiện chính sách xuất, nhập khẩu và dự trữ khoáng sản, bảo đảm cân đối nhu cầu trước mắt với dự trữ khoáng sản lâu dài; xuất khẩu khoáng sản trên cơ sở cân đối hiệu quả đầu tư khai thác, chế biến; không xuất khẩu các loại khoáng sản quan trọng, có ý nghĩa chiến lược.

d) Đối với tài nguyên biển

- Đẩy mạnh công tác điều tra cơ bản về tài nguyên biển. Thực hiện điều tra, đánh giá, kiểm kê nguồn vốn tự nhiên, đặc biệt là nguồn lợi hải sản, tại các vùng biển phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

- Tổ chức thực hiện hiệu quả Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050[30]. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật liên quan đến đầu tư, giao khu vực biển, đặc biệt cho các dự án điện gió ngoài khơi; thúc đẩy phát triển mô hình kinh tế biển xanh; xây dựng, ban hành bộ chỉ số đánh giá quốc gia mạnh về biển.

- Khai thác và sử dụng bền vững nguồn lợi thủy sản; triển khai hiệu quả Chương trình hành động và Kế hoạch của Chính phủ triển khai thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định (IUU) và phát triển bền vững ngành thủy sản.

---

[29] Quyết định số 866/QĐ-TTg ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ

[30] Nghị quyết số 139/2024/QH15 ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội khóa XI.

đ) Đối với tài nguyên rừng

- Tiếp tục đẩy mạnh việc trao quyền quản lý, bảo vệ và phát triển rừng cho cộng đồng, hạn chế tối đa chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên; thực hiện việc giao đất, giao rừng, cho thuê rừng gắn với cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp; đảm bảo đủ các điều kiện để tổ chức quản lý bảo vệ và phát triển bền vững tài nguyên rừng.

- Xây dựng các mô hình chia sẻ lợi ích công bằng trong quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ để thúc đẩy sự tham gia của các cộng đồng địa phương; thúc đẩy cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững.

6. Tập trung, ưu tiên nguồn lực để giải quyết hiệu quả các vấn đề cấp bách về môi trường, chủ động phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

- Tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải tại các đô thị, cụm công nghiệp, làng nghề. Xây dựng và triển khai các dự án bổ cập nước, cải tạo, phục hồi các hồ ao, các đoạn sông, kênh, rạch đã bị ô nhiễm nghiêm trọng.

- Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật về phân loại, thu gom, vận chuyển, tái chế và xử lý chất thải rắn. Triển khai thực hiện các hoạt động tái chế, biến chất thải thành nguyên, nhiên liệu, tăng cường thu hồi năng lượng (ưu tiên đối với công nghệ phát điện sinh khối, đồng xử lý chất thải); giảm dần tỷ lệ chôn lấp chất thải; xây dựng các khu liên hợp tái chế, xử lý chất thải có tính liên vùng, liên tỉnh.

- Cải tạo, phục hồi môi trường các bãi chôn lấp chất thải không hợp vệ sinh gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, khu vực bị ô nhiễm do hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật và chất độc tồn lưu do chiến tranh để lại.

- Tập trung xây dựng quy chuẩn, tiêu chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật về tái chế chất thải; khuyến khích sử dụng, tiêu thụ các sản phẩm tái chế, thân thiện với môi trường. Xây dựng và triển khai thực hiện hiệu quả kế hoạch phát triển ngành công nghiệp môi trường, ngành công nghiệp tái chế chất thải.

- Giảm thiểu nguy cơ ô nhiễm môi trường do chất thải nhựa gây ra. Nghiên cứu thay thế các sản phẩm bao bì nhựa, túi nilông khó phân hủy bằng các vật liệu thân thiện môi trường, dễ phân hủy sinh học. Xây dựng lộ trình hạn chế nhập khẩu phế liệu nhựa. Tổ chức thu gom, vận chuyển, tái chế và xử lý hiệu quả chất thải nhựa nhằm ngăn chặn chất thải nhựa từ đất liền ra biển. Điều tra, thống kê chất thải nhựa và vi nhựa phát sinh trên phạm vi cả nước, xây dựng cơ sở dữ liệu về rác thải nhựa quốc gia. Xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện Thỏa thuận toàn cầu về chất thải nhựa sau khi được thông qua.

- Cải thiện chất lượng môi trường không khí tại các đô thị lớn; có biện pháp giảm thiểu, kiểm soát chặt chẽ chất lượng khí thải của các phương tiện giao thông cơ giới; phát triển hệ thống giao thông công cộng, các phương tiện thân thiện môi trường. Tăng cường các biện pháp kiểm soát và giảm thiểu ô nhiễm khí thải, bụi từ hoạt động xây dựng, đốt rơm rạ và phụ phẩm nông nghiệp, các cơ sở công nghiệp phát sinh khí thải lớn; tăng diện tích cây xanh, mặt nước, tăng cường vệ sinh môi trường đô thị. Xây dựng và thực hiện hiệu quả Đề án khắc phục ô nhiễm không khí tại các đô thị.

- Xây dựng, nâng cấp các công trình trữ nước sử dụng cho mùa khô ở một số khu vực còn thiếu nước; đầu tư xây dựng các nhà máy, hệ thống cung cấp nước sạch, xử lý nước mặn thành nước ngọt phục vụ sinh hoạt của nhân dân.

- Tăng cường bảo vệ, phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên, đặc biệt là các hệ sinh thái rừng, đất ngập nước, rạn san hô, thảm cỏ biển; mở rộng, tăng số lượng, diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên, đồng thời có biện pháp quản lý hiệu quả đa dạng sinh học vùng đệm của các khu bảo tồn thiên nhiên. Triển khai đồng bộ các biện pháp nhằm bảo vệ các loài động vật hoang dã, đặc biệt là các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, các loài di cư. Thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ và giải pháp đã được đề ra trong Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050[31].

- Tổ chức thực hiện Quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050[32]. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về quản lý chất thải, kiểm soát ô nhiễm môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học đồng bộ từ trung ương đến địa phương.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các nhiệm vụ, kế hoạch, chương trình và đề án được phê duyệt tại Nghị quyết số 06-NQ/CP ngày 21 tháng 01 năm 2021 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW theo Kết luận số 56-KL/TW được tiếp tục triển khai đến khi hoàn thành.

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tế, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

---

[31] Quyết định số 149/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ

[32] Quyết định số 224/QĐ- TTg ngày 07 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tập trung chỉ đạo, tăng cường kiểm tra, đôn đốc, đánh giá việc triển khai thực hiện Kết luận 81-KL/TW, Kết luận số 56-KL/TW, Nghị quyết số 24-NQ/TW và Kế hoạch này; kịp thời xây dựng hoặc lồng ghép, điều chỉnh các chương trình, kế hoạch, giải pháp cụ thể phù hợp với yêu cầu thực tế, bảo đảm thực hiện đạt hiệu quả cao nhất.

3. Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương, Bộ Khoa học và Công nghệ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các bộ, ngành, tổ chức, đoàn thể liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức tuyên truyền, phổ biến rộng rãi nội dung của Kết luận số 81-KL/TW; đẩy mạnh tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia và giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Phối hợp với Ban Chính sách, chiến lược Trung ương và các bộ, ban, ngành, cơ quan liên quan triển khai, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

4. Trên cơ sở nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt, các bộ, cơ quan Trung ương xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ gửi Bộ Tài chính để chủ trì, tổng hợp trình cấp có thẩm quyền cân đối, bố trí kinh phí thường xuyên cho các bộ, cơ quan Trung ương để thực hiện theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.

5. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh bố trí nguồn ngân sách địa phương để phối hợp với các bộ, ngành triển khai thực hiện các nhiệm vụ liên quan trong Kế hoạch này theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể, các bộ, ngành, cơ quan, địa phương chủ động đề xuất các biện pháp để thực hiện đồng bộ và có hiệu quả, gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định./.

DANH MỤC NHIỆM VỤ, KẾ HOẠCH, CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN
Thực hiện Kết luận số 81-KL/TW ngày 04 tháng 6 năm 2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 Khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

(Kèm theo Kế hoạch tại Nghị quyết số 122/NQ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ)

STT	Tên nhiệm vụ, kế hoạch, chương trình, đề án	Sản phẩm, kết quả	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
I	**NHIỆM VỤ, KẾ HOẠCH, CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT**				
1	Sửa đổi, bổ sung Luật Khí tượng thủy văn[33]	Luật	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, ngành và địa phương	2025 - 2026
2	Sửa đổi, bổ sung Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả[1]	Luật	Bộ Công Thương	Các bộ, ngành và địa phương	2025
3	Sửa đổi, bổ sung Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo[1]	Luật	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, ngành và địa phương có liên quan	2025
4	Sửa đổi, bổ sung Luật Đa dạng sinh học 2008[1]	Luật	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, ngành và địa phương	2028
5	Nghiên cứu xây dựng Chiến lược tổng thể quốc gia phòng ngừa, ứng phó với các đe doạ an ninh phi truyền thống đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045[1].	Chiến lược	Bộ Công an	Các bộ, ngành và địa phương	2025

[1] Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 21/01/2021 của Chính phủ

STT	Tên nhiệm vụ, kế hoạch, chương trình, đề án	Sản phẩm, kết quả	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
6	Xây dựng Chương trình truyền thông, nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường	Chương trình	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, ngành và địa phương	2025-2026
7	Đề án phát triển và sử dụng vật liệu xây dựng tiết kiệm năng lượng, vật liệu xanh trong lĩnh vực nhà ở và thương mại[34]	Đề án	Bộ Xây dựng	Các bộ, ngành và địa phương	2025 - 2030
8	Xây dựng đề án chuyển đổi cơ cấu cây trồng nhằm sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả[35]	Đề án	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, ngành và địa phương	2024 - 2030
9	Xây dựng chương trình hiện đại hóa các hệ thống công trình thủy lợi lớn[36]	Chương trình	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, ngành và địa phương liên quan	2024 - 2030
10	Chương trình chuyển đổi số trong lĩnh vực tài nguyên nước[37]	Chương trình	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, ngành và địa phương	2025 - 2030

[34] Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 15/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án về những nhiệm vụ, giải pháp triển khai kết quả Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (Hội nghị COP26)

[35] Quyết định số 1622/QĐ-TTg ngày 27/12/2022 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt Quy hoạch tài nguyên nước thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

[36] Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 21/01/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03 tháng 6 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường theo Kết luận số 56-KL/TW ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Bộ Chính trị

[37] Quyết định số 1622/QĐ-TTg ngày 27/12/2022 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt Quy hoạch tài nguyên nước thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

STT	Tên nhiệm vụ, kế hoạch, chương trình, đề án	Sản phẩm, kết quả	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
11	Xây dựng chương trình tăng cường năng lực thoát nước, chống ngập và xử lý nước thải đô thị[38]	Chương trình	Bộ Xây dựng	Các bộ, ngành và địa phương liên quan	2025 - 2030
12	Điều tra, khai thác hợp lý diện tích đất chưa sử dụng, đất bãi bồi ven sông, ven biển cho phát triển rừng, phát triển cây xanh trong đô thị và khu công nghiệp[39]	Chương trình	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, ngành và địa phương liên quan	2025 - 2026
13	Xây dựng Đề án phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu địa chất và công nghệ quản trị thông minh hệ thống không gian ngầm đô thị ở Việt Nam[40]	Đề án	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, ngành và địa phương liên quan	2025 - 2026
14	Điều tra, đánh giá tổng thể tiềm năng khoáng sản chiến lược (uran, thori, đất hiếm, kim loại hiếm)[41]	Đề án	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, ngành và địa phương liên quan	2026 - 2030
15	Điều tra cơ bản địa chất, khoáng sản biển sâu (lớn hơn 300 m nước) các vùng đặc	Đề án	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, ngành và địa phương liên quan	2026-2030

[38] Quyết định số 1622/QĐ-TTg ngày 27/12/2022 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt Quy hoạch tài nguyên nước thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

[39] Nghị quyết số 115/NQ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết số 39/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021 của Quốc hội về Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025

[40] Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 21/01/2021 của Chính phủ

[41] Quyết định số 680/QĐ-TTg ngày 10/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

STT	Tên nhiệm vụ, kế hoạch, chương trình, đề án	Sản phẩm, kết quả	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
	quyền kinh tế trên Biển Đông của Việt Nam tỷ lệ 1:500.000 - 1:1.000.000 và điều tra chi tiết các khu vực có triển vọng khoáng sản (360.000 km^2)[42]				
16	Xây dựng và thực hiện các đề án thí điểm xử lý ô nhiễm môi trường nước hệ thống thủy lợi Bắc Hưng Hải, sông Ngũ Huyện Khê[43]	Chương trình/Đề án	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, ngành và địa phương liên quan	2025 - 2030
17	Xây dựng Đề án huy động nguồn lực để xử lý, phục hồi các dòng sông chết, dòng sông bị ô nhiễm nghiêm trọng[10]	Đề án	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, ngành và địa phương liên quan	2025
18	Xây dựng chương trình tăng cường năng lực phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt[44]	Chương trình	UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Các bộ, ngành và địa phương	2024 - 2030
19	Xây dựng cơ sở hạ tầng cho các khu xử lý chất thải tập trung cấp quốc gia, cấp vùng và cấp tỉnh[45]	Chương trình/Dự án	UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Các bộ, ngành và địa phương liên quan	2024 - 2030

[42] Quyết định số 680/QĐ-TTg ngày 10/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

[43] Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

[44] Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

STT	Tên nhiệm vụ, kế hoạch, chương trình, đề án	Sản phẩm, kết quả	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
20	Cải tạo, phục hồi môi trường các khu xử lý, bãi chôn lấp chất thải rắn đã đóng cửa[13]	Chương trình/Dự án	UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Các bộ, ngành và địa phương liên quan	2024 - 2030
21	Xây dựng và nâng cấp trạm quan trắc chất lượng môi trường không khí tại các đô thị đặc biệt, đô thị loại I, II[13]	Chương trình/Dự án	UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Các Bộ, ngành và địa phương liên quan	2024 - 2030
22	Tổng kết, đánh giá, xây dựng Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn giai đoạn đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050[13]	Chiến lược	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, ngành và địa phương	2025 - 2026
23	Xây dựng chương trình phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên đã bị suy thoái[46]	Chương trình	Bộ NN&MT	Các Bộ, ngành và địa phương liên quan	2024-2030
II	**NHIỆM VỤ, KẾ HOẠCH, CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN MỞ MỚI**				
1	Nghiên cứu, đề xuất xây dựng Nghị quyết về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu	Báo cáo	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, ngành và địa phương	2026 - 2028

[45] Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

[46] Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 21/01/2021 của Chính phủ

STT	Tên nhiệm vụ, kế hoạch, chương trình, đề án	Sản phẩm, kết quả	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
2	Xây dựng Kế hoạch truyền thông về bảo vệ sức khỏe cộng đồng trước ảnh hưởng bất lợi của ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu	Kế hoạch	Bộ Y tế	Các bộ, ngành và địa phương	2026
3	Xây dựng Đề án tăng cường năng lực hội nhập và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực tài nguyên, môi trường và biến đổi khí hậu	Đề án	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, ngành và địa phương	2028-2030
4	Xây dựng Đề án tăng cường dự báo, đánh giá tác động và các giải pháp phòng, chống thiên tai, nâng cao khả năng ứng phó và thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ	Đề án	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, ngành và địa phương liên quan	2025 - 2026
5	Cập nhật Kịch bản biến đổi khí hậu	Kịch bản	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, ngành và địa phương	2026
6	Cập nhật, điều chỉnh danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính	Quyết định	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, ngành và địa phương	2026
7	Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích chuyển đổi phương tiện giao thông công cộng (taxi, xe buýt) sang sử dụng điện	Quyết định	Bộ Xây dựng	Các bộ, ngành và địa phương	2025 - 2026

STT	Tên nhiệm vụ, kế hoạch, chương trình, đề án	Sản phẩm, kết quả	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
8	Xây dựng Chiến lược tài nguyên nước quốc gia giai đoạn 2031 - 2040, tầm nhìn 2050	Chiến lược	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, ngành và địa phương	2029 - 2030
9	Xây dựng danh mục khoáng sản chiến lược quan trọng quốc gia	Quyết định	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, ngành và địa phương liên quan	2026
10	Xây dựng Chiến lược quản lý tổng hợp tài nguyên và môi trường biển quốc gia giai đoạn 2031 - 2040, tầm nhìn 2050	Chiến lược	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, ngành và địa phương	2029 - 2030
11	Xây dựng Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia giai đoạn 2031 - 2040, tầm nhìn 2050	Chiến lược	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, ngành và địa phương	2028 - 2030
12	Xây dựng và triển khai các dự án về khắc phục hậu quả bom mìn và chất độc hóa học/dioxin sau chiến tranh	Chương trình/Dự án	Bộ Quốc phòng	Các bộ, ngành và địa phương liên quan	2025 - 2030
13	Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về kiểm soát ô nhiễm môi trường đồng bộ từ Trung ương đến địa phương	Dự án	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, ngành và địa phương	2025 - 2026
14	Xây dựng các khu liên hợp tái chế, xử lý chất thải có tính liên vùng, liên tỉnh	Dự án đầu tư	UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Các bộ, ngành và địa phương liên quan	2025 - 2030

STT	Tên nhiệm vụ, kế hoạch, chương trình, đề án	Sản phẩm, kết quả	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
15	Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung tại các đô thị từ loại V trở lên đạt tiêu chuẩn môi trường trước khi xả thải.	Dự án đầu tư	UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường	2025 - 2030
16	Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung tại các khu/cụm công nghiệp/làng nghề có phát sinh nước thải thuộc trách nhiệm của Nhà nước	Dự án đầu tư	UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Môi trường	2025 - 2030
17	Xây dựng các dự án bổ cập nước, cải tạo, phục hồi các hồ ao, kênh mương, khôi phục các đoạn sông, kênh, rạch đã bị ô nhiễm nghiêm trọng	Dự án đầu tư	UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Tài chính và các bộ, ngành liên quan khác	2025 - 2030
18	Cải tạo, phục hồi môi trường các bãi chôn lấp chất thải gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, khu vực bị ô nhiễm do hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật	Dự án đầu tư	UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	2025 - 2030
19	Xây dựng và triển khai Chương trình hạn chế sử dụng nhựa một lần, túi nilong khó phân hủy tại các siêu thị, chợ, nhà hàng, khách sạn, khu du lịch, khu vui chơi, giải trí	Chương trình	UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Các bộ, ngành và địa phương	2025 - 2030

STT	Tên nhiệm vụ, kế hoạch, chương trình, đề án	Sản phẩm, kết quả	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
20	Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh	Chương trình/ nhiệm vụ	UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	2025 - 2026
21	Xây dựng kế hoạch thực hiện Thỏa thuận toàn cầu về ô nhiễm nhựa	Kế hoạch	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các Bộ, ngành và địa phương	2026 - 2030
22	Xây dựng đề án Điều tra, thống kê chất thải nhựa và vi nhựa phát sinh trên phạm vi cả nước	Đề án	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, ngành và địa phương	2025 - 2026
23	Xây dựng lộ trình hạn chế nhập khẩu phế liệu nhựa làm nguyên liệu sản xuất	Đề án	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, ngành liên quan	2025 - 2026
24	Xây dựng Đề án phục hồi các hệ sinh thái đất ngập nước bị suy thoái	Đề án	Bộ NN&MT	Các Bộ, ngành và địa phương liên quan	2025-2026
25	Xây dựng Chiến lược bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia giai đoạn 2031 - 2040, tầm nhìn 2050	Chiến lược	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, ngành và địa phương	2028-2030

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417
- Phát hành:	080.44243
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website	http://congbao.chinhphu.vn